TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **920** /2017/KDTM-PT
Ngày: 27 – 9 – 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Biện Thị Hoa

Ông Đỗ Đức Vân Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2017/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 506/2017/KDTM-ST ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 3 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 742/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 644 /2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP NT

Trụ sở: 198 T1, Phường T2, quận T3, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 1-4 Tòa nhà V6, Plot V, Khu đô thị mới H1, số 23 H2, phường H3, Quận H4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông NTA (theo giấy ủy quyền số 3517/UQ-NSG-KHDN ngày 19/10/2016). (Có mặt)

- *Bị đơn*: Công ty CP KTDT NSV

Địa chỉ: Phòng 505, lầu 5, DCT, 111D đường A1, Phường A2, Quận A3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: ông NTT (theo giấy ủy quyền số 01.09/2017 ngày 08/9/2017). (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông PNL, sinh năm 1940 (Vắng mặt)
2. Ông PTA, sinh năm 1972 (Có mặt)
3. Ông PAT, sinh năm 1975 (Vắng mặt)
4. Bà HTMD, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
5. Trẻ PKL, sinh năm 2014 (Vắng mặt)

Trẻ PKL có cha mẹ là ông PAT và bà HTMD là người giám hộ.

Cùng địa chỉ: 377/36 (số cũ 337/8H) M1, Phường M2, Quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:*

Bị đơn: Công ty CP KTDT NSV

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông PNL, ông PTA, ông PAT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/9/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP NT có ông NTA là người đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 08/10/2010, Công ty CP KTDT NSV (sau đây gọi tắt là Công ty Ngôi Sao Việt) và Ngân hàng TMCP NT – Chi nhánh Nam Sài Gòn (sau đây gọi tắt là Ngân hàng NT) đã ký Hợp đồng tín dụng số 018/020/10/0000.476 TD/VCBNSG, Hợp đồng sửa đổi số 01 ngày 15/3/2012, phụ lục số 02 ngày 18/7/2012. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn rút vốn: 36 tháng. Thời hạn vay: 12 tháng.

Tính đến ngày 31/5/2017, Công ty NSVcòn nợ Ngân hàng NT:

+ Nợ gốc: 3.500.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 2.172.976.384 đồng.

Ngày 13/01/2012, Công ty NSVvà Ngân hàng NT đã ký tiếp Hợp đồng tín dụng số 018/020/12/0000.015 TD/VCBNSG, Hợp đồng sửa đổi số 01 ngày 15/3/2012, Hợp đồng sửa đổi số 02 ngày 13/1/2013. Mục đích là bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn rút vốn: 24 tháng. Thời hạn vay: 12 tháng.

Tính đến hết ngày 31/5/2017, Công ty NSVcòn nợ Ngân hàng NT:

+ Nợ gốc: 490.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 311.509.330 đồng.

Tài sản bảo đảm của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 377/36 (số cũ là 337/8H) C1, Phường C2, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh (tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông PNL và bà LKV theo Giấy chứng nhận chủ quyền nhà số 1170/CN-UB do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 28/10/1992). Hợp đồng thế chấp tài sản số

01.20.2010.227/TSTC/VCBNSG ngày 08/10/2010 được công chứng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Ngân hàng NT yêu cầu Công ty NSV thanh toán số tiền 6.474.485.717 đồng (bao gồm: tiền gốc 3.990.000.000 đồng, tiền lãi 2.494.485.714 đồng)

Do Công ty NSV không thanh toán nợ gốc và lãi vay đúng hạn nên Ngân hàng NT khởi kiện, yêu cầu Công ty NSV trả toàn bộ số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục chịu lãi đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp Công ty NSV không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án xử lý tài sản đã thế chấp và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty NSVđ ể thu hồi nợ.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Công ty CP KTDT NSV có ông NTT trình bày:

Bị đơn thừa nhận lời trình bày của đại diện Ngân hàng NT về việc ký các hợp đồng tín dụng số 018/020/10/0000.476 TD/VCBNSG, Hợp đồng sửa đổi số 01 ngày 15/3/2012, phụ lục số 02 ngày 18/7/2012; Hợp đồng tín dụng số 018/020/12/0000.015 TD/VCBNSG, Hợp đồng sửa đổi số 01 ngày 15/3/2012, Hợp đồng sửa đổi số 02 ngày 13/1/2013; và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.20.2010.227/TSTC/VCBNSG ngày 08/10/2010. Đồng thời bị đơn cũng thừa nhận nợ gốc, nợ lãi như lời trình bày của đại diện Ngân hàng NT. Nay do Công ty NSVcó khó khăn về tài chính nên đề nghị được trả chậm số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông PNL, ông PTA, ông PAT, bà HTMD, trẻ PKL (trẻ Lâm có cha mẹ là ông PAT và bà HTMD là người giám hộ) không tham gia tố tụng tại Tòa án dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 506/2017/KDTM-ST ngày 31/5/2017 của Toà án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Khoản 1 Điều 207, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280, Khoản 1 Điều 299, Khoản 1 Điều 303, Khoản 1 Điều 615, điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 12, khoản 1 Điều 20 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm;

Áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và khoản 3 Mục I của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án);

Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng NT.

1. Buộc Công ty CP KTDT NSV có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP NT:

a) Hợp đồng tín dụng số 018/020/10/0000.476 TD/VCBNSG ngày 08/10/2010, Hợp đồng sửa đổi số 01 ngày 15/3/2012, phụ lục số 02 ngày 18/7/2012:

- Nợ gốc: 3.500.000.000 đồng.

- Nợ lãi (tạm tính đến ngày 31/05/2017): 2.172.976.384 đồng.

b) Hợp đồng tín dụng số 018/020/12/0000.015 TD/VCBNSG ngày 13/1/2012, Hợp đồng sửa đổi số 01 ngày 15/3/2012, Hợp đồng sửa đổi số 02 ngày 13/1/2013:

- Nợ gốc: 490.000.000 đồng.

- Nợ lãi (tạm tính đến ngày 31/05/2017): 311.509.330 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi của 02 hợp đồng: 6.474.485.714 đồng. Thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra Công ty CP KTDT NSV còn tiếp tục chịu lãi đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/6/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP NT .

1. Trường hợp Công ty CP KTDT NSV hoặc ông PNL thanh toán hết nợ thì Ngân hàng TMCP NT có nghĩa vụ thực hiện thủ tục xóa thế chấp theo quy định pháp luật và hoàn trả cho ông PNL bản chính các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 338554 do Ủy ban nhân dân quận 10 cấp ngày 22/8/2014, Thông báo về việc nộp tiền sử dụng đất ngày 08/9/2014, Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 08/9/2014.

2. Nếu đến thời hạn trả nợ mà Công ty CP KTDT NSV không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng thì Ngân hàng TMCP NT được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 377/36 (số cũ là 337/8H) C1, Phường C2, Quận C3, Tp.Hồ Chí Minh (tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông PNL theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 338554 do Ủy ban nhân dân quận 10 cấp ngày 22/8/2014, Thông báo về việc nộp tiền sử dụng đất ngày 8/9/2014, Thông báo về việc nộp tiền lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 8/9/2014 và tài sản đã được thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01.20.2010.227/TSTC/VCBNSG ngày 08/10/2010, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/10/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10 Tp.Hồ Chí Minh).

Số tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản thế chấp sau khi trừ chi phí liên quan theo quy định pháp luật sẽ được trả cho Ngân hàng TMCP NT, trường hợp còn dư thì giao trả cho ông PNL, trường hợp số tiền thu được không đủ trả nợ thì Công ty CP KTDT NSV có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty CP KTDT NSV nộp 114.474.000 đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP NT số tiền tạm ứng án phí 57.052.173 đồng theo biên lai thu số 0002697 ngày 27/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 3.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 6 năm 2017 bị đơn - Công ty CP KTDT NSV, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – PNL, PAT, PTA đã có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện ủy quyền của bị đơn - Công ty CP KTDT NSV trình bày: Tòa án nhân dân Quận 3 đã không thực hiện thủ tục tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa mà xử vắng mặt bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là căn nhà số 377/36 (số cũ là 337/8H) C1, Phường C2, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh đã thay đổi về hiện trạng, kết cấu, chủ sở hữu… mà tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, giám định lại giá trị tài sản mà vẫn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Do đang gặp khó khăn về kinh tế nên Công ty NSV đề nghị ngân hàng miễn tiền lãi để bị đơn thanh toán phần tiền gốc. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Ông PTA – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt hợp lệ mà vẫn xử vắng mặt là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn không cung cấp bản chiết tính lãi để bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kiểm tra nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Ông NTA- đại diện nguyên đơn trình bày: Kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở, tại các phiên làm việc ở tòa sơ thẩm, bị đơn đã được nguyên đơn cung cấp toàn bộ tài liệu chứng cứ và đã xác nhận đúng số nợ và lãi, đề nghị tòa án không chấp nhận kháng cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm về kiểm tra thì Ngân hàng NT phát hiện việc tính lãi suất bị sai sót. Ngân hàng đã tính lại và đã có bản kê chi tiết các khoản nợ gốc, lãi vay của Công ty NSV nộp cho tòa vào ngày 25/9/2017. Cụ thể theo bản kê tính lãi số tiền lãi của bị đơn giảm xuống là 2.476.403.639 đồng (số cũ là 2.484.485.714 đồng). Do đó tổng cộng gốc và lãi của hai hợp đồng là 6.466.403.639 đồng, đề nghị tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh lại lãi suất theo bản kê tính lãi của nguyên đơn để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo và các đương sự liên quan đến kháng cáo, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét người kháng cáo là ông PNL, PAT đã được Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên toà nên bị coi như từ bỏ việc kháng cáo, theo qui định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông PNL và ông PAT.

- Xét kháng cáo của bị đơn – Công ty CP KTDT NSV, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông PTA cho rằng tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tống đạt văn bản tố tụng và các đương sự đều không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 17/4/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐ-XX đến ngày 03/5/2017 Văn phòng Thừa phát lại Quận 10 đã tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử cho ông Thiên là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (BL số 41). Tại các biên bản tống đạt ngày 25/4/2017 (BL 41-47) Thừa phát lại Quận 10 đã tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử cho (ông/bà) PNL, PAT, PTA, HTMD, trẻ PKL. Tiếp đó, ngày 09/5/2017 Thừa phát lại Quận 10 lập biên bản niêm yết có xác nhận của tổ trưởng dân phố về việc không tống đạt trực tiếp được và lập thủ tục niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2017/QĐST-KDTM ngày 08/5/2017 cho gia đình ông PNL (Từ BL 54 đến BL 73). Đến ngày 12/5/2017 Thừa phát lại Quận 10 lập biên bản niêm yết (BL 51 đến BL 53), tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho ông T (đại diện bị đơn). Như vậy có cơ sở xác định việc tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cấp sơ thẩm là hợp lệ, phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng không được triệu tập xét xử hợp lệ là không có cơ sở để chấp nhận.

- Xét kháng cáo của Công ty NSVvà ông PTA cho rằng bản án sơ thẩm không xem xét hiện trạng căn nhà số 377/36 (số cũ là 337/8H) C1, Phường C2, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh đã có sự thay đổi về hiện trạng, kết cấu, chủ sở hữu mà tòa án cấp sơ thẩm không cho tiến hành xác minh, giám định lại giá trị tài sản mà vẫn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại **V**ăn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế đã được công chứng ngày 12/5/2014 thì những người thừa kế là ông PNL, ông PAT, PTA thống nhất tặng cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng đối với di sản do bà LKV để lại là một phần căn nhà và đất tại số 377/36 (số cũ 377/8H) C1, Phường C2, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông PNL, do đó căn cứ vào Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU

338554 do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 22/8/2014, Thông báo về việc nộp tiền sử dụng đất ngày 08/9/2014, Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 08/9/2014, có căn cứ xác định ông PNL là chủ sở hữu tài sản thế chấp.

Xét Tại Điểm 2.3 Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 01202010.227/TSTC/VCBNSG ngày 8/10/2010 giữa Ngân hàng NT chi nhánh Nam Sài gòn và ông PNL, bà LKV qui định " Nếu bên thế chấp nâng cấp, sửa chữa tài sản thế chấp hoặc xây dựng thêm, xây dựng mới trên diện tích đất đã thế chấp thì toàn bộ giá trị gia tăng của các công trình xây dựng, kể cả tài sản gắn liền với công trình xây dựng đều thuộc tài sản thế chấp và các tài sản khác gắn liền với tài sản thế chấp mà bên thế chấp chưa hoàn thành thủ tục công nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng cũng là phần tài sản không thể tách rời của tài sản thế chấp này và được điều chỉnh theo hợp đồng thế chấp này". Mặt khác tại khoản 8.1.1 Điều 8 của Hợp đồng thế chấp cũng qui định nếu bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ thì sẽ xử lý tài sản thế chấp và việc xử lý tài sản sẽ do Cơ quan thi hành án thực hiện, giá trị của tài sản thế chấp không phụ thuộc vào giá trị thẩm định để cho vay mà phụ thuộc vào kết quả định giá tài sản trong giai đoạn thi hành án. Do đó tòa án cấp sơ thẩm không cần thiết phải tiến hành xác minh, giám định lại tài sản thế chấp là phù hợp với qui định của pháp luật nên kháng cáo của bị đơn và ông PTA là không được chấp nhận.

Tại tòa đại diện ủy quyền của bị đơn xác nhận Công ty NSV đã ký các Giấy nhận nợ số 01 ngày 13/01/2012, số 02 ngày 11/01/2013, số 03 ngày 20/7/2012, số 04 ngày 16/5/2013; Hợp đồng tín dụng số 018/020/10/0000.476 TD/VCBNSG ngày 08/10/2010, Hợp đồng sửa đổi số 01 ngày 15/3/2012, phụ lục số 02 ngày 18/7/2012 và Hợp đồng tín dụng số 018/020/12/0000.015 TD/VCBNSG ngày 13/1/2012, Hợp đồng sửa đổi số 01 ngày 15/3/2012, Hợp đồng sửa đổi số 02 ngày 13/1/2013 như nguyên đơn trình bày; Xác nhận số tiền nợ gốc mà bị đơn còn nợ Ngân hàng TMCP NT là 3.990.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng tín dụng, người kháng cáo không đồng ý với cách tính lãi của Ngân hàng TMCP NT, đề nghị nguyên đơn phải cung cấp số liệu và giải trình cụ thể cách tính lãi.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 018/020/10/0000.476 TD/VCBNSG ngày 08/10/2010 và Hợp đồng tín dụng số 018/020/12/0000.015 TD/VCBNSG ngày 13/1/2012 đã quy định : *4.1 Lãi suất cho vay trong hạn: được ghi trên giấy nhận nợ theo thông báo lãi suất của bên cho vay tại thời điểm nhận nợ và được thay đổi khi có thông báo thay đổi lãi suất của bên cho vay. 4.2 Số tiền vay chuyển sang nợ quá hạn thì bên vay phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất quy định".* Lãi suất cho vay được thể hiện trên các giấy nhận nợ, thể hiện sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được sao chụp toàn bộ tài liệu hồ sơ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại tòa sơ thẩm, xác nhận phần nợ gốc và lãi đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn đã giải trình chi tiết và cung cấp bảng tổng hợp lãi suất nêu rõ phương pháp, cơ sở tính lãi và thời gian tính lãi cho từng giai đoạn đối với khoản

vay của bị đơn, đồng thời nguyên đơn đã nộp bản kê giải trình các khoản nợ gốc và lãi vay của Công ty NSV. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của Ngân hàng NT xác định ngân hàng đã sai lệch số liệu lãi vay so với số nợ lãi mà tòa án sơ thẩm tuyên trong bản án sơ thẩm giảm đi 8.082.075 đồng. Cụ thể theo bản kê tính lãi này thì số tiền lãi của bị đơn là **2.476.403.639** đồng (số cũ là 2.484.485.714đồng). Do đó, tổng cộng gốc và lãi của hai hợp đồng là **6.466.403.639** đồng. Nên nguyên đơn đề nghị tòa án sửa lại phần lãi suất cho chính xác. Xét thấy việc tính lãi của nguyên đơn theo bản kê chiết tính lãi nợ gốc và lãi vay của Công ty NSV do nguyên đơn nộp cho tòa án vào ngày 25/9/2017 là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự theo Điều 4 của hợp đồng tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm về số liệu tiền lãi cho chính xác.

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty CP KTDT NSV, ông PTA, PAT, PNL không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 30, 35, 48, 49, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Điểm d khoản 3 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009) ,

Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty CP KTDT NSV và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông PTA.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 506/2017/KDTM-ST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty CP KTDT NSV có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP NT số tiền gốc và tiền lãi phát sinh của 02 Hợp đồng tín dụng số 018/020/10/0000.476 TD/VCBNSG ngày 08/10/2010 và Hợp đồng tín dụng số 018/020/12/0000.015 TD/VCBNSG ngày 13/1/2012 tổng cộng là **6.466.403.639** đồng (sáu tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm lẻ ba ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng) bao gồm: Tiền nợ gốc là 3.990.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 1.914.515.195 đồng;Tiền lãi quá hạn là 561.888.444 đồng)

Công ty CP KTDT NSV còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc, kể từ ngày 01/6/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 018/020/10/0000.476 TD/VCBNSG ngày 08/10/2010 và Hợp đồng tín dụng số 018/020/12/0000.015 TD/VCBNSG ngày 13/1/2012 tương ứng với thời gian chậm trả.

Đến hạn nếu Công ty CP KTDT NSV không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP NT được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 377/36 (số cũ là 337/8H) C1, Phường C2, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 338554 do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 22/8/2014 được thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01.20.2010.227/TSTC/VCBNSG ngày 08/10/2010, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/10/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Sau khi thanh toán hết nợ, Ngân hàng TMCP NT có trách nhiệm hoàn trả cho ông PNL toàn bộ bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp nêu trên.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông PNL và ông PAT.

2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **114.466.404** đồng (một trăm mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm lẻ bốn đồng) Công ty CP KTDT NSV phải chịu.

Ngân hàng TMCP NT không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP NT số tiền tạm ứng án phí là 57.052.173 đồng (năm mươi bảy triệu không trăm năm mươi hai ngàn một trăm bảy mươi ba đồng) theo biên lai thu số AC/2014/0002697 ngày 27/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 3.

- Công ty CP KTDT NSV, ông PNL, ông PTA, ông PAT không không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:.

+ Hoàn lại cho Công ty CP KTDT NSV số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0019064 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

+ Hoàn lại cho ông PNL số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0019084 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

+ Hoàn lại cho ông PTA số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0019113 ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

+ Hoàn lại cho ông PAT số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0019165 ngày 28/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự ;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu Chinh